

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 13/8/2020
V/v “Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG - TỈNH BÌNH THUẬN

-Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Văn Lầy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trọng Di

2. Bà Thái Thị Dung

-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Văn Hồng Lễ - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện T

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Lư Ngọc Quý- Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 569/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2019 về việc: “Ly hôn, nuôi con chung ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2020/QĐST- HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2020; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lê Thị U** – sinh năm 1990; Địa chỉ: khu phố 2, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Đức P** – sinh năm 1982; Địa chỉ: xóm 27, thôn Thanh Tân, xã C, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

(có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 23/10/2019 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Lê Thị U trình bày: bà và ông Nguyễn Đức P xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2014 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện T, tỉnh Bình Thuận (theo giấy chứng nhận kết hôn số 166/2014, quyển số 01/2014, ngày 04/9/2014) trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu thương yêu nhau, hai bên gia đình đồng ý và có tổ chức lễ cưới hỏi cho vợ chồng bà.

Sau khi xác lập quan hệ vợ chồng, vợ chồng bà sống tại nhà cha mẹ bà tại thị trấn L, huyện T, cuộc sống chung vợ chồng chỉ hạnh phúc một thời gian, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm nên hay cãi vã nhau, mỗi khi cãi vã thì ông Phúc đánh đập, bà cố gắng chịu đựng chăm sóc nuôi con để xem ông P có thay đổi không, nhưng tính tình ông P vẫn không hề thay đổi mà ngày càng cư xử tệ bạc hơn trước. Đến tháng 02/2019 thì ông P bỏ về nhà cha mẹ ông ở xã C, huyện T sống cho đến nay. Trong thời gian ông P bỏ về vợ chồng không ai liên lạc gì với ai, mạnh ai nấy sống, từ đó tình cảm vợ chồng phai nhạt dần và không thể hàn gắn lại được.

Bà xét thấy vợ chồng không còn tình cảm, hôn nhân đã thực sự đổ vỡ và không thể hàn gắn lại được nên bà làm đơn xin được ly hôn với ông Nguyễn Đức P.

Về con chung: bà và ông Nguyễn Đức P có 01 con chung: Nguyễn Lê Quỳnh T, sinh ngày 15/10/2014, hiện nay đang ở với bà, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục đến khi trưởng thành, bà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Để vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Đức P đã được Tòa án nhân dân huyện T triệu tập đến Tòa nhiều lần để tổng đạt thông báo thụ lý nhưng ông không đến Tòa, Tòa án phối hợp với địa phương nơi ông P cư trú để lấy lời khai của ông P về yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị U, nhưng ông không hợp tác để lấy lời khai cũng như không nhận bất cứ văn bản tổng tụng nào của Tòa án, theo ông thì hiện nay ông và bà U không còn sống chung nữa, không ai quan tâm đến ai và vợ chồng không thể hàn gắn được, ông đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án:

Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn sự đã thực hiện đúng Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn không thực hiện đúng Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng không đến Tòa căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn.

Quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146 và khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ Luật tố

tụng dân sự năm 2015; Điều 51; Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị U. Bà Lê Thị U được ly hôn với ông Nguyễn Đức P.

- Về con chung: Giao cho bà U được tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục con chung: Nguyễn Lê Quỳnh T – sinh ngày 15/10/2014 đến khi trưởng thành, bà U không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Bà Lê Thị U phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Đức P đã được triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt cũng như không đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án. Tòa án đã xác định địa chỉ của ông P đúng theo địa chỉ của nguyên đơn cung cấp và tiến hành cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 172; khoản 3, khoản 5 Điều 177 và Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự cho ông Nguyễn Đức P, do ông P vắng mặt không có lý do đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt ông P theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án: Hôn nhân giữa bà Lê Thị U và ông Nguyễn Đức P được xác lập là hợp pháp, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Quá trình chung sống bà U xác nhận do tính tình hai người không hợp, bất đồng quan điểm sống, hơn nữa ông P thường xuyên rượu chè về kiếm chuyện cãi vã, mỗi khi cãi nhau thì ông P đánh đập bà, bà cố gắng chịu đựng để xem ông P có thay đổi không, nhưng càng ngày ông P càng đối xử tệ bạc hơn trước. Đến tháng 02/2019 ông P bỏ về nhà cha mẹ ruột ở xã C sống và ly thân nhau cho đến nay. Từ khi ly thân nhau bà U và ông P không có đưa ra phương án nào để hòa giải đoàn tụ, ông P bỏ mặc vợ con không có quan tâm gì đến yêu cầu của bà U. Chứng tỏ, tình cảm giữa bà U và ông P không còn và đã thực sự đổ vỡ. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà U và ông P không còn, mâu thuẫn thật sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà U.

[3] Về con chung: Tại Tòa bà U vẫn yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục con chung, xét thấy từ khi bà và ông P ly thân bà là người trực tiếp nuôi con và lo cho con mọi mặt, ông P không có trách nhiệm với con, bà U cam đoan sẽ chăm sóc con đầy đủ về mọi mặt. Nghĩ nên giao cho bà U nuôi dưỡng, giáo dục con chung là phù hợp.

Bà U không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án nên bà U phải chịu án phí theo quy định.

Bồi các lễ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146 và khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51; Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

[2] Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị U. Bà Lê Thị U được ly hôn với ông Nguyễn Đức P.

[3] Về con chung: Giao cho bà U được tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục con chung: Nguyễn Lê Quỳnh T – sinh ngày 15/10/2014 đến khi trưởng thành.

Bà U không được cản trở ông P việc trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

[4] Về án phí: Bà Lê Thị U phải nộp **300.000đ** (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Bà U đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại biên lai thu số 0029812 ngày 18/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, bà U đã nộp đủ án phí.

[5] Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã (Thị trấn);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lý Văn Lầy